

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 28/9/2022
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
và cấp dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đỉnh

Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Sách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Thái Thị D**, sinh năm: 1982; Nơi cư trú: Tổ 5, ấp 2, xã MT, huyện CT, Tỉnh Bình Phước; (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1981, hộ khẩu thường trú: Tổ 5, ấp 2, xã MT, huyện CT, Tỉnh Bình Phước; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 4 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thái Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu bà D và ông C quyết định chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MT, huyện CT, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại ấp 2, xã MT, huyện CT, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng bắt đầu từ năm 2018 cuộc

sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, gây lộn nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông C có người phụ nữ khác ở bên ngoài, sau đó nợ nần rồi bỏ ra ngoài sống, không quan tâm vợ con nên hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm nhau nữa. Nay bà D cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn C .

Về con chung: Quá trình chung sống bà D và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Đình M , sinh năm 2003; đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Đình T , sinh ngày 20/3/2005; bà D yêu cầu Tòa án giao cháu Tiến cho bà D nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trước đây bà D yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) đến khi cháu Tiến đủ 18 tuổi nhưng sau đó bà D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn C mặc dù đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng ông C vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông C được.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn ông Nguyễn Văn C và được Công an xã MT, huyện CT , tỉnh Bình Phước xác nhận ông Nguyễn Văn C , sinh năm 1981 có đăng ký thường trú tại Tổ 5, ấp 2, xã MT, huyện CT, tỉnh Bình Phước, trước đây ông C có sinh sống ở đây nhưng hiện nay ông C không thường xuyên sinh sống ở đây, đi đâu thì không rõ. Căn cứ các Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông C và tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị D xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình bày không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C vắng mặt không lý do và không cung cấp chứng cứ tài liệu gì.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 234 BLTTDS còn bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,72 và Điều 234 BLTTDS.

Về nội dung: Bà D và ông C chung sống với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá

trình chung sống xét thấy ông bà thường xuyên mâu thuẫn và không còn quý trọng, quan tâm chăm sóc, yêu thương nhau nữa làm cho đời sống vợ chồng lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị D cho bà D được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Nguyễn Đình T, sinh ngày 20/3/2005 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu trong suốt quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Thái Thị D, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Nguyễn Văn C cư trú tại ấp 2, xã MT, huyện CT, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn C mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Bà Thái Thị D và ông Nguyễn Văn C tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT, huyện CT, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

[4.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình giải quyết vụ án bà D cho rằng vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây lộn nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông C có người phụ nữ khác bên ngoài, không quan tâm đến vợ con. Do không thể tiếp tục sống chung nên bà D và ông C đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa. Lời khai này phù hợp với chứng cứ được Tòa án thu thập là biên bản xác minh ngày 12/7/2022.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành mở phiên hòa giải để động viên, thuyết phục và hàn gắn cho bà Dung, ông C nhưng ông C vắng mặt không lý do còn bà D vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, Luật hôn nhân và gia đình quy định rằng: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.... đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau.*

Tuy nhiên, bà D và ông C đã sống ly thân từ lâu, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, giữa bà D và ông C không còn gắn kết về tình cảm vợ chồng, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà D cho bà D được ly hôn với ông Cường.

[4.3] Về con chung: Quá trình chung sống bà D và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Đình M , sinh năm 2003; đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Đình T , sinh ngày 20/3/2005; bà D yêu cầu Tòa án giao cháu Tiến cho bà D nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, ông C không có ý kiến phản đối. Mặt khác, nguyện vọng của cháu Tiến là muốn sống với mẹ. Hơn nữa, từ khi hai vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Tiến sống với bà D và được bà D chăm sóc tốt. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà D giao cháu Nguyễn Đình T cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

[4.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Trước đây bà D yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đ (*Hai triệu đồng*) đến khi cháu Tiến đủ 18 tuổi nhưng sau đó bà D xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nữa. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con.

[4.5] Về tài sản chung: Bà D và ông C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4.6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Thái Thị D phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thái Thị D .

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Thái Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn C .

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Đình T , sinh ngày 20/3/2005 cho mẹ là bà Thái Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Ông C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với phần cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có

6. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Thái Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011810 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

7. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã Minh Thắng -Chơn Thành-Bình Phước
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Thúy

CÁC HỘI THẨM

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Đính

Hồ Thị Xuân Thiều

Dương Thị Thúy